TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2025
V/v tranh chấp về Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Diệu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và bà Đỗ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị A, sinh năm 19xx; Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (Nay là thôn B, xã T, tỉnh Hưng Yên).

- *Bị đơn:* Anh Đào Trọng H, sinh năm 19xx; Địa chỉ: tổ dân phố N, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình (Nay là tổ dân phố N, xã T, tỉnh Hưng Yên).

(Chị A và anh H đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn là chị Phạm Thị A trình bày:*

Chị và anh Đào Trọng H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình (Nay là UBND xã Thái Thuỵ, tỉnh Hưng Yên) ngày 23/8/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc đến tháng 4/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau, bất đồng quan điểm sống, anh H đi lao động tự do ở tỉnh khác, không quan tâm đến vợ con, không vun vén kinh tế cho gia đình. Tình cảm ngày càng xa cách dẫn đến cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên khuyên bảo động viên nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2023 đến nay

không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở lại đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Chị và anh H có 01 con chung là Đào Thanh T, sinh ngày 29/3/2017, hiện con chung đang ở cùng chị. Chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị không yêu cầu Tòa án chia tài sản.

** Bị đơn là anh Đào Trọng H không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.*

* Tại biên bản lấy lời khai của bà Giang Thị Thắm, sinh năm 1950; trú tại: tổ dân phố Nghĩa Chỉ, xã Thái Thuỵ, tỉnh Hưng Yên là mẹ đẻ của anh Đào Trọng H, nội dung lời khai của bà Thắm xác nhận anh H vẫn sinh sống cùng bà và đã biết được chị A yêu cầu ly hôn nhưng vì công việc đang đi lao động tự do ở miền Nam nên anh H không thể đến Tòa án giải quyết việc ly hôn theo giấy triệu tập. Bà không rõ địa chỉ cụ thể của anh H hiện nay đang ở đâu nhưng anh H thường xuyên liên lạc về cho bà qua điện thoại và anh H vẫn về nhà khi có công việc gia đình. Quá trình chung sống giữa chị A và anh H do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, từ năm 2023 đến nay anh chị đã sống ly thân. Nay chị A xin ly hôn, gia đình bà đã nhận được các văn bản của Toà án, bà đã thông báo cho anh H biết, quan điểm của anh H thông qua bà là anh đồng ý ly hôn chị A, anh không có ý kiến gì khác. Chị A và anh H có 01 con chung là cháu Đào Thanh T, sinh ngày 29/3/20xx, cháu đang ở cùng chị A. Chị A và anh H không có tài sản gì chung. Bà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Bà nhận các văn bản của Toà án và cam kết thông báo ngay cho anh H biết.

* Tại đơn đề nghị của cháu Đào Thanh T trình bày: Bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với mẹ.

* Tại biên bản xác minh ở địa phương ngày 27/6/2025, đại diện chính quyền thị trấn D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình cung cấp: Anh Đào Trọng H có nơi cư trú tại thị trấn D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (Nay là xã Thái Thuỵ, tỉnh Hưng Yên). Chị A và anh H tự nguyện kết hôn tại UBND xã T, huyện Thái Thuỵ, tỉnh Thái Bình (Nay là xã Thái Thuỵ, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 23/8/2016. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị A và anh H là do bất đồng quan điểm sống, ngoài ra còn nguyên nhân nào khác địa phương không nắm rõ, chỉ thấy thời gian đầu sau khi kết hôn chị A và anh H chung sống với nhau một thời gian ở địa phương sau đó đến khoảng cuối năm 2023 đến nay không thấy chị A sinh sống tại địa phương cùng anh H, vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Anh H vẫn có nơi cư trú ở xã Thái Thuỵ, tỉnh Hưng Yên, anh H đi lao động tự do thi thoảng vẫn về địa phương vào các dịp lễ tết hay gia đình anh có việc. Chị A và anh H có 01 con chung là Đào Thanh T, sinh ngày 29/3/20xx. Về tài sản chung địa phương không nắm rõ, không thấy cơ quan hay tổ chức nào ý kiến về việc anh chị vay nợ. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày là từ bỏ quyền của mình.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án xử cho chị Phạm Thị A được ly hôn anh Đào Trọng H; giao cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đào Thanh T, sinh ngày 29/3/20xx, chấp nhận việc chị A không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung; chị A không yêu cầu chia tài sản nên không giải quyết; chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng:* Chị Phạm Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt, còn anh Đào Trọng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị A và anh H.

[2]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

- Về yêu cầu ly hôn: Chị A và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (Nay là xã Thái Thuỵ, tỉnh Hưng Yên) và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 23/8/2016, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay chị A yêu cầu ly hôn anh H, Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù anh H không đến Tòa án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị A nhưng qua lời khai của bà Giang Thị Thắm là mẹ đẻ của anh H và lời khai của chị A cho thấy: Trong quá trình chung sống, do vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau, bất đồng quan điểm sống nên giữa chị A và anh H đã xảy ra mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt và không có bất kỳ động thái nào thể hiện mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị A và anh H không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, xử cho chị A được ly hôn anh H là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về yêu cầu nuôi con khi ly hôn: Hội đồng xét xử thấy, hiện nay con chung của chị A và anh H là cháu Đào Thanh T, sinh ngày 29/3/20xx đang sống cùng chị A, chị A yêu cầu Tòa án tiếp tục giao con chung cho chị nuôi dưỡng vì chị có đủ điều kiện nuôi con nên cần chấp nhận yêu cầu của chị A và ghi nhận việc chị A

không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu Tòa án chia tài sản khi ly hôn, anh H không có ý kiến gì về tài sản, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về tài sản trong vụ án này.

[3] Về án phí: Chị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị A được ly hôn anh Đào Trọng H.

2. Về con chung: Giao cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đào Thanh T, sinh ngày 29/3/20xx. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Không giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị A đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001360 ngày 13/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang tiền án phí, chị A đã thi hành xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Thị Diệu Thúy